

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HC-ST.
Ngày: 23 – 10 – 2019
V/v: “*Khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Ân và ông Trần Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 12/2019/TLST-HC ngày 08 tháng 3 năm 2019; về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST-HC ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HC ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Vợ chồng ông Đặng Quang Đ – sinh năm 1936, bà Trần Thị Thu C – sinh năm 1939.

Địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S. Đều có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2.2 Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S: Ông Lương Công T – Phó Chủ tịch UBND thị xã S. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S: Ông Phạm Văn C – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân phường X, thị xã S. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Ông Đặng Nguyên A – sinh năm 1970.

Địa chỉ: 24 Tô Hiến T, phường X, thị xã S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C thống nhất trình bày:

Theo quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đã thu hồi của tôi diện tích 140m² thửa số 20 tại phường X, thị xã S; trên cơ sở quyết định này nên trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S đã ban hành thông báo số 985/TB-PTQĐ ngày 20/6/2014 chỉ giải quyết bồi thường cho tôi 140m² đất ở đô thị. Tuy nhiên, Theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất (do chi nhánh công ty TNHH địa chính – xây dựng tài nguyên tại Phú Yên năm 2013) thì tổng diện tích đất do gia đình tôi sử dụng bị ảnh hưởng phải giải tỏa là 279,6m². Tuy nhiên UBND thị xã S chỉ ban hành quyết định thu hồi 140m² và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S chỉ bồi thường 140m², còn lại 139,6m² cho rằng do UBND phường X, thị xã S quản lý là hoàn toàn không có căn cứ nên tôi đã nhiều lần khiếu nại. Tuy nhiên từ đó đến nay, UBND thị xã S không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho tôi đúng quy định của Luật khiếu nại mà chỉ ban hành văn bản trả lời đơn. Gần đây nhất, UBND thị xã S ban hành văn bản số 1114/UBND-NC ngày 22/6/2018, tiếp tục trả lời đơn mà không giải quyết khiếu nại chính đáng của tôi.

Do đó, vợ chồng ông Đ, bà C yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định thu hồi đất số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 và Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S “*V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Công trình mở rộng QL1A đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300 thuộc địa phận tỉnh Phú Yên*”; công văn số

453/UBND ngày 05/3/2016, công văn số 1548/UBND ngày 31/8/2016, công văn số 2321/UBND ngày 22/12/2016, công văn số 99/UBND ngày 16/01/2018, công văn số 1114/UBND-NC ngày 22/6/2018 của Chủ tịch UBND thị xã S. Buộc UBND thị xã S lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất vợ chồng ông Đ, bà C bị ảnh hưởng dự án nâng cấp Quốc lộ 1 năm 2014 theo đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bị kiện UBND thị xã S, chủ tịch UBND thị xã S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật thì UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S phát hiện các Quyết định hành chính bị khởi kiện có sai sót.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường X, thị xã S trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của UBND thị xã S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Nguyên A trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của người khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cung cấp cho Hội đồng xét xử các Quyết định số 3491/QĐ-UBND; Quyết định số 3491/QĐ-UBND và thông báo số 760/TB-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định hành chính bị khiếu kiện và giao các cơ quan có thẩm quyền tiến hành lại các thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông Đ, bà C theo đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: vẫn giữ yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đặng Quang Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 28/10/2018 Vợ chồng ông Đ, bà C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định thu hồi đất số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 và Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Công trình mở rộng QL1A đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300 thuộc địa phận tỉnh Phú Yên”; công văn số 453/UBND ngày 05/3/2016, công văn số 1548/UBND ngày 31/8/2016, công văn số 2321/UBND ngày 22/12/2016, công văn số 99/UBND ngày 16/01/2018, công văn số 1114/UBND-NC ngày 22/6/2018 của Chủ tịch UBND thị xã S. Buộc UBND thị xã S lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất vợ chồng ông Đ, bà C bị ảnh hưởng dự án nâng cấp Quốc lộ 1 năm 2014 theo đúng quy định.

Về hình thức, các văn trả lời khiếu nại nêu trên không được ban hành dưới hình thức quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng với quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND các cấp và nội dung của văn bản, có sự tác động trực tiếp đến yêu cầu bồi thường hỗ trợ về đất của người khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà C là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Về thời hiệu khởi kiện: Với nội dung trả lời tại văn bản số 1114/UBND-NC ngày 22/6/2018 nêu trên, thì đơn khởi kiện vụ án hành chính ngày 28/10/2018 của vợ chồng ông Đ, bà C còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Bộ luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cung cấp cho Hội đồng xét xử Quyết định số 3491/QĐ-UBND của UBND thị xã S và thông báo số 760/TB-UBND của Chủ tịch UBND thị xã S về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định hành chính đang bị khiếu kiện và giao các cơ quan có thẩm quyền tiến hành lại các thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông Đ, bà C theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý rút đơn khởi kiện mặc dù Hội đồng xét xử và đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã giải

thích các quy định của pháp luật. Do người khởi kiện không rút đơn khởi kiện nên HĐXX xem xét giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, Việc UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S đã ban hành Quyết định để thu hồi, hủy bỏ các Quyết định hành chính bị khiếu kiện và giao các cơ quan có thẩm quyền tiến hành lại các thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông Đ, bà C theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành lại Quyết định thu hồi đất và phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất vợ chồng ông Đ, bà C sử dụng bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014. Nếu vợ chồng ông Đ, bà C không đồng ý đối với việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, việc người khởi kiện vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C tiếp tục yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính đã bị UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S thu hồi, hủy bỏ là không có cơ sở.

Về án phí: Người khởi kiện thuộc diện người cao tuổi, hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện phải chịu theo quy định do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C yêu cầu hủy: Quyết định thu hồi đất số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 và Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S “*V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Công trình mở rộng QL1A đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300 thuộc địa phận tỉnh Phú Yên*”; công văn số 453/UBND ngày 05/3/2016, công văn số 1548/UBND ngày 31/8/2016, công văn số 2321/UBND ngày 22/12/2016, công văn số 99/UBND ngày 16/01/2018, công văn số 1114/UBND-NC ngày 22/6/2018 của Chủ tịch UBND thị xã S. Vì các quyết định hành chính này đã được thu hồi, hủy bỏ.

Về án phí: Ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Đ, bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số AA /2015 0013010 ngày 06/03/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định (đã nộp đủ).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự (1);
- Phòng kiểm tra NV và THA (1);
- Lưu HSVÀ; AV (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Minh